TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Hồng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Minh Tài và bà Châu Thị Minh Định.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Chiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Hoài My, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trịnh Thị Kim Y, sinh năm 1979. (có mặt)
Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện B, Quảng Nam.

2. Bị đơn: anh Đỗ Phú Q, sinh năm 1993. (vắng mặt lần thứ hai)
Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện B, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim Y trình bày: chị và anh Đỗ Phú Q xây dựng gia đình vào năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 20/8/2018. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Anh Q không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà ra đi. Trong thời gian qua vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống mỗi nơi. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Phú Q để mỗi người có cuộc sống riêng tốt hơn.

Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 10/7/2018. Sau khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Phú Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trịnh Thị Kim Y và anh Đỗ Phú Q được ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 10/7/2018. Hiện nay cháu H còn nhỏ nên giao con cho chị Yến nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị Yến không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: chị Trịnh Thị Kim Y và anh Đỗ Phú Q tổ chức xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 20/8/2018. Ngày 22/4/2021, nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim Y nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn với anh Đỗ Phú Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, Điều 186, Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Phú Q có nơi cư trú tại thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị Kim Y và anh Đỗ Phú Q kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Anh Q không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà ra đi, đi đâu, làm gì thì chị Y không biết rõ. Trong thời gian qua vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay mỗi người sống mỗi nơi không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa.

Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhưng anh Q vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 16 tháng 6 năm 2021 xác định vợ chồng chị Trịnh Thị Kim Y và anh Đỗ Phú Q trong thời gian chung anh Quốc thường xuyên bỏ nhà ra đi, ít có mặt tại địa phương nên một mình chị Yến nuôi con rất vất vả và anh Q cũng không quan tâm chăm sóc vợ con. Điều này phù hợp với lời khai của chị Trịnh Thị Kim Y nên chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Kim Y đối với anh Đỗ Phú Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Yến và anh Q có 01 con chung tên Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 10/7/2018. Sau khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, cháu Đỗ Hoàng Gia H hiện còn nhỏ, đang sống với chị Y, còn anh Q thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ. Hơn nữa, anh Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, cần giao cháu H cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo quy định tại điều 81 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Trịnh Thị Kim Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 186, Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim Y.

Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị Kim Y, sinh năm 1979 được ly hôn với anh Đỗ Phú Q, sinh năm 1993. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 20/8/2018 của UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 10/7/2018 giao cháu Huy cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: đương sự khai không có.

Về án phí: chị Trịnh Thị Kim Y phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011564 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/7/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Chi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Tài **Châu Thị Minh Định** **Phạm Thị Hồng Chi**